

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÓNG TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		671,384,626,440	562,295,935,645
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22,653,583,732	24,676,167,552
1 Tiền	111	V.2.	22,653,583,732	24,676,167,552
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260,002,327,174	215,866,529,107
1 Phải thu của khách hàng	131		207,150,586,721	177,147,720,858
2 Trả trước cho người bán	132		53,303,980,775	39,198,164,778
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	33,206,000	40,723,479
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(485,446,322)	(520,080,008)
IV Hàng tồn kho	140		383,630,672,371	319,762,567,340
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	383,630,672,371	319,762,567,340
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		5,098,043,163	1,990,671,646
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	2,441,104,774	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	2,656,938,389	1,990,671,646
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		52,700,719,308	37,623,411,925
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		46,299,174,020	30,572,092,284
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	45,065,339,119	29,332,017,383
- Nguyên giá	222		93,349,732,010	74,771,717,639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48,284,392,891)	(45,439,700,256)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	1,233,834,901	1,240,074,901
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,591,340,115	3,591,340,115
1 Đầu tư vào công ty con	251		3,591,340,115	3,591,340,115
V Tài sản dài hạn khác	260		2,810,205,173	3,459,979,526
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	2,810,205,173	3,459,979,526
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		724,085,345,748	599,919,347,570

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÓNG TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		633,713,845,868	507,414,906,435
I Nợ ngắn hạn	310		578,445,534,520	487,416,234,596
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	197,955,376,702	161,423,424,161
2 Phải trả người bán	312		153,130,105,333	134,127,255,317
3 Người mua trả tiền trước	313		179,438,144,041	165,134,206,881
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	1,191,562,705	2,935,861,009
5 Phải trả người lao động	315		4,209,308,000	5,210,457,000
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	37,122,106,749	12,281,410,381
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	889,508,063	789,660,813
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,509,422,927	5,513,959,034
II Nợ dài hạn	330		55,268,311,348	19,998,671,839
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.2.	-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	24,581,777,700	11,260,920,000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,801,533,648	1,828,362,498
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		28,885,000,000	6,909,389,341
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		90,371,499,880	92,504,441,135
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	90,371,499,880	92,504,441,135
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		9,828,000,000	9,828,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		5,397,093,115	1,225,495,749
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		703,710	117,425
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		16,195,931,993	17,318,144,907
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2,804,781,886	2,330,515,886
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6,144,989,176	11,802,167,168
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		724,085,345,748	599,919,347,570

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2011	Tại ngày 01/01/2011
5 Ngoại tệ các loại			-	83.72
USD		V.2.	-	83.72
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÓNG CẬP TÀI CHÍNH*cho Quý II năm 2011***Mẫu số B 01 - DN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Quý II năm 2011***Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2011***CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5****Người lập****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Tô Anh Trung****Mai Văn Sơn****Ngô Hải An**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	260,077,019,126	147,410,318,685	356,528,441,248	226,829,045,507
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.14.	260,077,019,126	147,410,318,685	356,528,441,248	226,829,045,507
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	246,873,383,725	138,387,739,942	335,062,490,713	211,710,591,864
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13,203,635,401	9,022,578,743	21,465,950,535	15,118,453,643
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	152,972,990	120,957,376	350,480,327	310,852,228
7	Chi phí tài chính	22	VI.17.	6,356,462,620	2,750,851,425	9,615,606,733	5,043,026,659
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,356,462,620	2,750,851,425	9,615,606,733	5,043,026,659
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.2	3,682,200,350	2,181,764,259	6,080,804,343	4,904,515,741
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3,317,945,421	4,210,920,435	6,120,019,786	5,481,763,471
11	Thu nhập khác	31	VIII.2.3	2,079,105,182	364,042,273	2,090,707,937	1,324,144,908
12	Chi phí khác	32	VIII.2.4	17,408,822	5,966,665	17,408,822	5,966,665
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,061,696,360	358,075,608	2,073,299,115	1,318,178,243
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,379,641,781	4,568,996,043	8,193,318,901	6,799,941,714
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	1,344,910,445	1,142,249,011	2,048,329,725	1,707,485,428
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4,034,731,336	3,426,747,032	6,144,989,176	5,092,456,286
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20.	807	685	1,229	1,018

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Tô Anh Trung

Mai Văn Sơn

Ngô Hải An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Lũy kế đến quý II năm 2011	Lũy kế đến quý II năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		8,193,318,901	6,799,941,714
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		4,684,212,689	3,630,962,086
- Các khoản dự phòng	3		520,080,008	(491,223,761)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(9,227,583,474)	744,262,273
- Chi phí lãi vay	6		9,615,606,733	5,534,250,420
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		13,785,634,857	16,218,192,732
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		10,733,991,054	28,269,976,608
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(64,023,334,717)	(25,295,624,521)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		33,418,493,432	(29,406,616,590)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		649,774,353	(479,928,048)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9,615,606,733)	(5,534,250,420)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,535,996,461)	(565,236,417)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			2,433,517,834
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,497,885,633)	(6,403,962,091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22,084,929,848)	(20,763,930,913)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(20,428,703,247)	(5,935,867,316)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		2,090,707,937	1,299,155,908
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		550,157,852	310,852,228
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,787,837,458)	(4,325,859,180)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		252,094,454,740	163,382,254,866
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(207,415,689,914)	(135,574,185,668)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,828,581,340)	(7,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37,850,183,486	20,808,069,198
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2,022,583,820)	(4,281,720,895)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24,676,167,552	43,769,759,103
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	22,653,583,732	39,488,038,208

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Tô Anh Trung

Mai Văn Sơn

Ngô Hải An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II năm 2011****(tiếp theo)****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, tên giao dịch là THE VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NO 5 (VINACONEX No 5 – JSC), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 được thành lập theo quyết định số 1500-BXD ngày 29/09/1973 trên cơ sở sáp nhập Công ty Kiến trúc Ninh Bình và Công ty Kiến trúc Nam Hà thành Công ty Xây dựng số 5; sau đó được thành lập lại theo Quyết định số 047A/BXD-TCLĐ ngày 12/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 04/10/2004 Công ty Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 11 năm 2004;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 04 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 07 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 05 năm 2009;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 04 năm 2010.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 20 tháng 07 năm 2010;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 16 tháng 02 năm 2011;

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000** đồng (Năm mươi tỉ đồng)

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng và thuỷ lợi; xây dựng các công trình cảng thuỷ và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; Xây dựng cầu đường; Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gỗ công nghiệp cho xây dựng và gia dụng;
- Chế biến gỗ và lâm sản cho xây dựng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị và sản phẩm xây dựng./.

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

Công ty có 01 văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán quý**

Kỳ kế toán quý của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 năm 2011 và kết thúc vào ngày 30/06 năm 2011.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II năm 2011****(tiếp theo)****2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ANA4.0. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp giá đích danh.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II năm 2011****(tiếp theo)**

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam với số vốn góp chiếm 51%, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5.2 Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ được tính căn cứ số tiền các đối tượng phải trả các công trình vay vốn của công ty để mua nguyên vật liệu và trả tiền nhân công trực tiếp cho công trình đó. Lãi suất là lãi suất ngân hàng tại thời điểm Công ty phải trả cho ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: chi phí mua các công cụ xây dựng, phụ tùng thay thế, công cụ văn phòng, đội và thương hiệu VINACONEX chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp các công trình xây dựng, dọn vệ sinh công nghiệp, vận chuyển vật liệu xây dựng và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II năm 2011****(tiếp theo)**

Một số hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Một số hợp đồng xây dựng khác của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vận chuyển được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và chênh lệch tỉ giá phù hợp các quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, đã trừ đi chi phí lãi vay được vốn hóa.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình Nhà máy nước Nghi Sơn trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II năm 2011****(tiếp theo)****11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.4 Nguyên tắc ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập từ 2% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của công ty.

11.5 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế 10% đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh của từng công trình. Tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả kinh doanh công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng giao khoán công trình cho các đội thi công với mức giao khoán từ 85% đến 95% doanh thu tùy thuộc vào từng công trình.

Giá vốn các dịch vụ khác được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

2. Tiền	6/30/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	<i>3,522,674,214</i>	<i>277,833,201</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>19,130,909,518</i>	<i>24,398,334,351</i>
<i>Tài khoản VND</i>	<i>19,130,909,518</i>	<i>24,396,749,364</i>
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	2,669,262,140	9,177,983,616
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	2,728,478	379,927,322
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	9,437,537,583	11,783,806,874
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	7,013,531,626	1,253,394,831
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	7,849,691	1,801,636,721
<i>Tài khoản USD</i>	<i>-</i>	<i>1,584,987</i>
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	1,584,987
Tổng cộng	22,653,583,732	24,676,167,552

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Ho:

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Quý II năm 2011****(tiếp theo)**

	6/30/2011	01/01/2011
	VND	VND
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
<i>Phải thu khác</i>	33,206,000	18,712,450
<i>Dư nợ TK 338</i>	-	22,011,029
Bảo hiểm xã hội nộp trước	-	22,011,029
Tổng cộng	33,206,000	40,723,479
3. Hàng tồn kho	6/30/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	5,292,256,967	3,529,467,114
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	385,552,811	173,739,339
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	377,952,862,593	316,059,360,887
Cộng giá gốc hàng tồn kho	383,630,672,371	319,762,567,340
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6/30/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công trình Nhà máy nước Nghi Sơn	1,233,834,901	1,240,074,901
Tổng cộng	1,233,834,901	1,240,074,901
5. Chi phí trả trước dài hạn	6/30/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2,810,205,173	3,459,979,526
Tổng cộng	2,810,205,173	3,459,979,526

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý II năm 2011****(tiếp theo)****7. Vay và nợ ngắn hạn*****Vay ngắn hạn***

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội

Tổng cộng**6/30/2011****VND*****197,955,376,702***

129,654,673,659

60,922,790,955

7,377,912,088

197,955,376,702**01/01/2011****VND*****161,423,424,161***

102,197,225,750

44,166,109,254

15,060,089,157

161,423,424,161

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Ho:

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 6/30/2011
Thuế GTGT đầu ra	1,210,734,396	5,840,442,076	9,417,090,280	(2,365,913,808)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-		0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,659,688,442	2,048,329,725	2,535,996,461	1,172,021,706
Thuế thu nhập cá nhân	11,984,371	267,244,722	354,420,059	(75,190,966)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	0	-
Các loại thuế khác	53,453,800	-	33,912,801	19,540,999
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,935,861,009	8,156,016,523	12,341,419,601	(1,249,542,069)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				(2,441,104,774)

9. Chi phí phải trả

	6/30/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí công trình xây dựng	37,122,106,749	12,281,410,381
Tổng cộng	37,122,106,749	12,281,410,381

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	6/30/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>599,792,953</i>	<i>524,509,813</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	-	-
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>		-
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>289,715,110</i>	<i>265,151,000</i>
Tổng cộng	889,508,063	789,660,813

11. Vay và nợ dài hạn

	6/30/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Vay dài hạn</i>	<i>24,581,777,700</i>	<i>11,260,920,000</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	21,750,177,700	7,812,000,000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	2,831,600,000	3,448,920,000
Tổng cộng	24,581,777,700	11,260,920,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50,000,000,000	9,828,000,000	16,887,428,103	76,715,428,103
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	1,225,495,749	-	-	1,225,495,749
Lãi trong năm trước	-	-	11,802,167,168	11,802,167,168
Giảm khác	-	-	(16,887,428,103)	(16,887,428,103)
Số dư đầu năm nay	51,225,495,749	9,828,000,000	11,802,167,168	72,855,662,917
Tăng vốn trong năm nay	4,171,597,366	-	-	4,171,597,366
Lãi trong năm nay	-	-	6,144,989,176	6,144,989,176
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(11,802,167,168)	(11,802,167,168)
Số dư tại ngày 30/6/2011	55,397,093,115	9,828,000,000	6,144,989,176	71,370,082,291

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	6/30/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25,500,000,000	25,500,000,000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,500,000,000	24,500,000,000
Cộng	50,000,000,000	50,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6/30/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp đầu năm	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp cuối năm	50,000,000,000	50,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6,828,581,340	

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	14%	14%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	14%	14%

đ) Cổ phiếu

	40,724 VND	01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

f) Các quỹ của công ty				
Chỉ tiêu	01/01/2011	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	6/30/2011
Quỹ đầu tư phát triển	17,318,144,907	3,088,184,452	(4,210,397,366)	16,195,931,993
Quỹ dự phòng tài chính	2,330,515,886	474,266,000	-	2,804,781,886
Tổng cộng	19,648,660,793	3,562,450,452	(4,210,397,366)	19,000,713,879
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng			343,204,313,718	222,145,038,473
Doanh thu cung cấp dịch vụ			13,324,127,530	4,684,007,034
Tổng cộng			356,528,441,248	226,829,045,507
14. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng			343,204,313,718	222,145,038,473
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ			13,324,127,530	4,684,007,034
Tổng cộng			356,528,441,248	226,829,045,507
15. Giá vốn hàng bán			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng			321,918,035,573	207,781,974,591
Giá vốn dịch vụ đã cấp			13,144,455,140	3,928,617,273
Tổng cộng			335,062,490,713	211,710,591,864
16. Doanh thu hoạt động tài chính			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi			350,480,327	310,852,228
Tổng cộng			350,480,327	310,852,228
17. Chi phí tài chính			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền vay			9,615,606,733	5,534,250,420
Hoàn nhập dự phòng			0	(491,223,761)
Tổng cộng			9,615,606,733	5,043,026,659

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Ho:

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	358,969,629,512	228,464,042,643
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	350,776,310,611	221,634,100,929
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8,193,318,901	6,829,941,714
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,048,329,724	1,707,485,428
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	2,048,329,724	1,707,485,428
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	238,989,289,379	121,133,115,458
Chi phí nhân công	60,607,991,704	38,471,686,483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,287,979,602	3,630,962,086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83,637,872,733	55,526,151,479
Chi phí khác bằng tiền	15,641,547,746	6,299,866,601
Tổng cộng	406,164,681,164	225,061,782,107

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

1.1 Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	Công ty	VND	VND
Doanh thu			
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng VN	Công ty mẹ	58,783,521,927	19,744,004,183
BQLDA nước Sông Đà Hà Nội	Cùng TCT	-	315,369,701
BĐH dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	Cùng TCT	8,063,220,000	6,746,940,400
Công ty Cổ phần Bê tông và XD Vinaconex Xuân M	Cùng TCT	-	5,469,754,187
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Cùng TCT	92,955,425,141	9,169,741,818
Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex	Cùng TCT	32,789,558,961	-
BQL mở rộng đường láng - Hòa Lạc	Cùng TCT	4,898,601,800	-
BĐH Dự án nhà ở xã hội tại Đà Nẵng	Cùng TCT	3,189,418,948	-
1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ		Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
		VND	VND
Thu nhập Ban giám đốc công ty		529,972,000	407,193,000
Tổng cộng		529,972,000	407,193,000
1.3	Quan hệ với		
Số dư với các bên liên quan		6/30/2011	1/1/2011
	Công ty	VND	VND
Các khoản phải thu			

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Ho:

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Quý II năm 2011****(tiếp theo)**

Công ty Cổ phần XL và Trang trí nội thất VN		Công ty con	20,879,609,245	9,799,565,924
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần XL và Trang trí nội thất VN		Công ty con	7,562,154,212	9,166,382,253
2. Những thông tin khác				
2.1 Tài sản ngắn hạn khác			6/30/2011	1/1/2011
			VND	VND
Tạm ứng			343,805,579	290,395,499
				-
Ký quỹ ngắn hạn			2,313,132,810	1,700,276,147
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội			64,477,101	105,276,147
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn			2,245,000,000	1,595,000,000
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn			3,655,709	
Tổng cộng			2,656,938,389	1,990,671,646
2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
			VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý			3,723,776,000	2,722,898,000
Chi phí vật liệu quản lý			336,186,614	375,801,038
Chi phí đồ dùng văn phòng			199,416,649	147,479,636
Chi phí khấu hao TSCĐ			158,632,285	110,553,432
Thuế, phí và lệ phí			153,594,078	158,174,931
Chi phí dịch vụ mua ngoài			393,600,431	825,220,396
Chi phí bằng tiền khác			1,115,598,286	564,388,308
Tổng cộng			6,080,804,343	4,904,515,741
2.3 Thu nhập khác			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
			VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ			2,090,707,937	744,262,273
Thu từ xử lý kiểm kê			-	554,893,635
Thu nhượng bán vật tư, cho thuê máy			-	24,989,000
Tổng cộng			2,090,707,937	1,324,144,908
2.4 Chi phí khác			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
			VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý			17,408,822	5,966,665
Tổng cộng			17,408,822	5,966,665

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

2.5 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2010 và số liệu từ Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 để làm cơ sở so sánh số liệu trong Báo cáo tài chính và một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Tô Anh Trung

Mai Văn Sơn

Ngô Hải An

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý II năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2011

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11,426,967,553	40,799,360,262	14,571,581,002	7,973,808,822	74,771,717,639
Mua trong năm	-	3,635,295,455	748,543,183	16,051,104,609	20,434,943,247
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,055,016,921)	(801,911,955)	-	(1,856,928,876)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2011	11,426,967,553	43,379,638,796	14,518,212,230	24,024,913,431	93,349,732,010
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4,056,811,625	23,671,387,816	10,087,775,178	7,623,725,637	45,439,700,256
Khấu hao trong năm	140,168,986	2,787,560,706	780,766,946	975,716,051	4,684,212,689
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,037,608,099)	(801,911,955)	-	(1,839,520,054)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2011	4,196,980,611	25,421,340,423	10,066,630,169	8,599,441,688	48,284,392,891
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7,370,155,928	17,127,972,446	4,483,805,824	350,083,185	29,332,017,383
Số dư ngày 30/6/2011	7,229,986,942	17,958,298,373	4,451,582,061	15,425,471,743	45,065,339,119

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.659.711.137 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.433.413.368 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: VND